

**KHU VỰC PHÂN BỐ VÀ VẤN ĐỀ BẢO TỒN HAI LOÀI BÒ TÓT  
(*BOS GAURUS*), SƠN DƯƠNG (*CAPRICORNIS SUMATRAENSIS*) Ở  
VƯỜN QUỐC GIA CHUR YANG SIN, TỈNH ĐẮK LẮK**

**Cao Thị Lý**  
*Trường Đại học Tây Nguyên*

Vườn Quốc gia (VQG) Chư Yang Sin là một trong những khu rừng đặc dụng đại diện cho bảo tồn đa dạng sinh học các kiểu thảm thực vật của hệ sinh thái rừng theo các đai cao từ 500 m đến trên 2.400 m ở Tây Nguyên. Cùng với sự đa dạng của cảnh quan, các phức hợp, ưu hợp và quần hợp thực vật là khu hệ động vật rừng phong phú với 89 loài thú, 220 loài chim, 48 loài bò sát, 49 loài ếch nhái và trên 80 loài cá nước ngọt... Riêng lớp thú có 35 loài thuộc các mức nguy cấp, quý hiếm theo quy định của Sách Đỏ Việt Nam, Quốc tế (IUCN) và Nghị định 32/2006 (Vườn Quốc gia Chư Yang Sin, 2013) [5]. Trong đó, Bò tốt và Sơn dương là hai loài thú guốc chẵn lớn, quý hiếm, nguy cấp hiện còn phân bố tập trung ở một số khu vực tại đây. Dân cư vùng đệm, đặc biệt là dân di cư tự do từ các tỉnh phía Bắc (người H'Mông, Tày, Nùng) với tập quán săn bắn thú lớn bằng súng kíp tự chế, đã tác động thường xuyên, ảnh hưởng đến khu vực phân bố và tính an toàn nơi sống của các loài. Việc xác định khu vực phân bố, đặc điểm sinh cảnh của các loài, cùng với giải pháp giám sát, quản lý là cần thiết để đảm bảo sự tồn tại và phát triển của loài.

Bài báo này trình bày kết quả điều tra, xác định một số khu phân bố với các sinh cảnh của hai loài Bò tốt và Sơn dương cần chú trọng bảo tồn; đồng thời mô tả những vấn đề làm cơ sở để phân tích xác định giải pháp giám sát, bảo tồn hai loài thú lớn nói trên, tại VQG Chư Yang Sin.

## **I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

### **1. Đối tượng, địa điểm và thời gian nghiên cứu**

#### ***Đối tượng nghiên cứu:***

Hai loài Bò tốt và Sơn dương thuộc họ Trâu bò (Bovidae), bộ Guốc chẵn (Artiodactyla). Cả hai loài này đều có tên trong Sách Đỏ Việt Nam (2007) ở cấp EN, Danh lục Đỏ của IUCN ở cấp VU và thuộc nhóm IB trong Nghị định 32/2006/NĐ-CP.

#### ***Địa điểm nghiên cứu:***

Nghiên cứu thực hiện tại VQG Chư Yang Sin, tỉnh Đắk Lắk, với tổng diện tích tự nhiên là 66.950,2 ha (Vườn Quốc gia Chư Yang Sin, 2013) [5]. Khu vực điều tra, khảo sát trên địa bàn 35 tiểu khu rừng, thuộc phân khu phục hồi sinh thái và bảo vệ nghiêm ngặt của VQG.

#### ***Thời gian nghiên cứu:***

Nghiên cứu triển khai điều tra, khảo sát và thu thập dữ liệu hiện trường từ tháng 07 năm 2014 đến tháng 6 năm 2015.

### **2. Phương pháp nghiên cứu**

- Thảo luận và phỏng vấn kết hợp vẽ bản đồ có sự tham gia với cán bộ kỹ thuật, kiểm lâm ở VQG để bổ sung cập nhật các vị trí, khu vực phân bố chính của hai loài Bò tốt và Sơn dương;
- Khảo sát hiện trường và điều tra xác định các sinh cảnh của mỗi loài; tập trung ở các khu vực có phân bố loài đã xác định qua thảo luận để khẳng định và bổ sung, cập nhật hiện trạng sinh cảnh của các loài trên thực tế. Tiêu chí để xác định sinh cảnh của loài là

phải có đầy đủ nguồn thức ăn, nước uống và muối khoáng cho loài quanh năm, thường gặp hoặc thấy dấu vết của loài vào mùa mưa. Số lượng cá thể loài ở mỗi điểm sinh cảnh được ước tính dựa vào số kích cỡ dấu chân và thông tin phỏng vấn kiểm lâm các trạm bảo vệ rừng (BVR) về loài;

- Kết hợp khảo sát hiện trường và phỏng vấn các bên liên quan về phân bố, nơi sống của loài; điều tra đánh giá tác động của con người đến sinh cảnh của các loài;

- Tổ chức hội thảo tại VQG Chư Yang Sin, thành phần tham gia gồm nghiên cứu, tư vấn, lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật, kiểm lâm VQG để thảo luận:

+ Phương pháp động não (Bảo Huy, 2008) [1], đã được sử dụng thúc đẩy đề nêu và xác định vấn đề cho bảo tồn khu phân bố, sinh cảnh của các loài;

+ Sử dụng công cụ cây vấn đề thúc đẩy phân tích với chủ đề “*Các khu vực phân bố của hai loài Bò tót, Sơn dương ở VQG chưa được bảo tồn hiệu quả*” để xác định hệ thống nguyên nhân - hậu quả của vấn đề.

## II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 1. Khu vực phân bố và sinh cảnh của hai loài

#### 1.1. Kết quả xác định qua thảo luận, phỏng vấn

Bước đầu thảo luận và phỏng vấn nhóm lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật, kiểm lâm VQG Chư Yang Sin, đã xác định 6 khu vực phân bố của 2 loài Bò tót và Sơn dương trên bản đồ.

- Bò tót: Thường phân bố ở độ cao 600 m - 1100 m. Kiểm lâm ở các trạm bảo vệ rừng của VQG đã gặp dấu phân, dấu nằm của Bò tót ở dốc 5 tầng, ngã ba Ea Be, thuộc trạm BVR số 5, phía xã Yang Mao, thuộc các tiểu khu 1233, 1238. Dấu vết phân được ghi nhận ở một số trống cỏ ở những nơi sinh lầy, thuộc tiểu khu 1382, 1377; vết cạ sừng vào thân cây của Bò tót cũng được phát hiện ở các tiểu khu 1402, 1411; năm 2011 đã gặp 4 -5 cá thể ở khu vực này. Gần đây, phát hiện nhiều dấu chân, dấu phân mới của loài ở các tiểu khu 1381, khu vực buôn Đông thuộc tiểu khu 1378, 1383.

- Sơn dương: Thường phân bố ở độ cao khoảng 1200 m trở lên đến 2400 m. Kiểm lâm đi tuần tra, bắt gặp dấu phân của Sơn dương ở các tiểu khu 1202, 1215, 1367. Cán bộ kiểm lâm và kỹ thuật ở Chư Yang Sin cũng xác định khu vực trú ẩn của Sơn dương thường tập trung ở các tiểu khu 1359, 1364, 1380, 1381 nơi có nhiều hốc đá phù hợp với tập tính nơi sống của loài, đã từng thấy 1 cá thể nằm trong hốc đá thuộc tiểu khu 1227, 1396 giáp 1382. Vào tháng 3 năm 2015, kiểm lâm đã phát hiện 1 cá thể Sơn dương ở tiểu khu 1234.

#### 1.2. Kết quả điều tra xác định trên hiện trường

Kết quả khảo sát hiện trường, đã xác định khoanh vùng các khu phân bố và các vị trí habitat, cũng như số lượng cá thể ước đoán của hai loài ở từng điểm. Cụ thể đã phát hiện được 04 sinh cảnh của loài Bò tót thuộc 02 khu vực phân bố chính; tương tự là 03 sinh cảnh thuộc 03 khu vực phân bố chính của Sơn dương. Tổng diện tích khu vực phân bố của hai loài ở VQG Chư Yang Sin là 11.527,2 ha

#### \* Khu phân bố và sinh cảnh của Bò tót

**Khu phân bố Bò tót 1:** Khu vực làng Ka Yam cũ, bao gồm toàn bộ sinh cảnh trống cỏ, xung quanh là rừng chuyên tiếp hoặc rừng gỗ xen tre le, ven các suối. Đây là khu vực thuộc lâm phần rừng do trạm BVR số 9 quản lý, nằm trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, thuộc tiểu khu 1411 và 1419; cách khu dân cư gần nhất là thôn 3 xã Đưng K’Nớ, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm

Đồng khoảng 3 km. Ba điểm sinh cảnh của loài Bò tót đã được xác định tại khu phân bố này, với số lượng ước tính từ 5 - 7 cá thể. Các cá thể di chuyển kiếm ăn giữa các điểm, cụ thể gồm:

- **Sinh cảnh Bò tót - 1.1:** Toạ độ trung tâm x: 491788, y: 1357788, độ cao 787 m; thuộc sinh cảnh trảng cỏ với các loài chính là cỏ tranh, cỏ le, cỏ ba cạnh, nghệ rừng và lau lách ven khe suối nhỏ. Đất xám đen, tốt với độ dày tầng đất mặt trên 50 cm. Địa hình khá bằng phẳng với độ dốc 3 - 5 độ, gần các khe suối nhỏ. Các trảng cỏ thường cháy vào mùa khô. Xung quanh là rừng chuyển tiếp, xen tre le ven suối; cơ bản với 3 tầng cây gỗ, cây bụi và thảm tươi; tổ thành cây gỗ chính gồm các loài Dẻ, Trâm, thỉnh thoảng có vài cây Thông ba lá; rừng non có độ tàn che khoảng 0,5, tổng tiết diện ngang cây gỗ (G): 9,5 m<sup>2</sup>. Ước tính có khoảng 5 cá thể Bò tót thường xuyên di chuyển và kiếm ăn ở điểm này.

- **Sinh cảnh Bò tót - 1.2:** Toạ độ trung tâm x: 491482, y: 1357808, độ cao 778 m; thuộc sinh cảnh trảng cỏ với các loài chính là cỏ tranh, cỏ le, cỏ ba cạnh, nghệ rừng và lau lách ven khe suối nhỏ. Đất xám đen, tốt với độ dày tầng đất mặt trên 50 cm. Địa hình khá bằng phẳng với độ dốc 3 - 5 độ, gần các khe suối nhỏ. Các trảng cỏ thường cháy vào mùa khô. Xung quanh là rừng chuyển tiếp, xen tre le ven suối; cơ bản với 3 tầng cây gỗ, cây bụi và thảm tươi; tổ thành cây gỗ chính gồm các loài Hóc quang, Thành ngạnh, Dẻ, Thầu tẩu; rừng non có độ tàn che khoảng 0,5, tổng G: 20 m<sup>2</sup>. Ước tính có khoảng 5 cá thể Bò tót thường xuyên di chuyển và kiếm ăn ở điểm này.

- **Sinh cảnh Bò tót - 1.3:** Toạ độ trung tâm x: 491199, y: 1357802, bán kính trảng từ 350 - 500 m; độ cao 781 m; thuộc sinh cảnh trảng cỏ với các loài chính là cỏ tranh, cỏ ba cạnh, nghệ rừng và lau lách ven khe suối nhỏ. Đất xám đen, tốt với độ dày tầng đất mặt trên 50 cm. Địa hình khá bằng phẳng với độ dốc 3 - 5 độ, gần các khe suối nhỏ, ngập nước nhẹ vào mùa mưa. Các trảng cỏ thường cháy vào mùa khô. Xung quanh là rừng chuyển tiếp, xen tre le ven suối; cơ bản với 3 tầng cây gỗ, cây bụi và thảm tươi; tổ thành cây gỗ chính gồm các loài Dẻ, Trâm, xoài rừng; rừng non có độ tàn che khoảng 0,4; tổng G: 14 m<sup>2</sup>. Đây được xác định là nơi cư trú của Bò tót bởi có đầy đủ nguồn thức ăn, nước uống và muối khoáng cho loài quanh năm. Mùa mưa thường thấy dấu vết của Bò tót. Số lượng ước tính ở điểm này có khoảng 3-5 cá thể.

Tại 3 điểm sinh cảnh nêu trên của loài Bò tót, còn ghi nhận được thông tin và dấu vết của các loài Nai, Hoẵng (Mang thường), Heo rừng, Nhím, các loài thuộc họ Cây.

\* **Khu phân bố Bò tót 2:** Ngã ba suối Đăk Mê và Đăk Trê, khu phân bố của Bò tót ở đây bao gồm toàn bộ sinh cảnh trảng cỏ, dọc hai bên các suối Đăk Mê, Đăk Trê. Đây là khu vực thuộc lâm phần rừng do trạm BVR số 4 quản lý, nằm trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, thuộc tiểu khu 1378, liên quan đến các tiểu khu 1379 và 1383; cách khu dân cư gần nhất là thôn 3 (làng mới) xã Đạ Long, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng khoảng 8 km. Khảo sát hiện trường, đã xác định được 1 điểm sinh cảnh của loài Bò tót tại khu phân bố này:

- **Sinh cảnh Bò tót - 2.1:** Toạ độ trung tâm x: 494070, y: 1359825, độ cao 689 m; thuộc sinh cảnh trảng cỏ với các loài chính là cỏ tranh, cỏ le, lau, lách, sậy, chuối rừng. Đất xám đen, tốt với độ dày tầng đất mặt trên 50 cm. Địa hình khá bằng phẳng với độ dốc 3 - 5 độ, gần các khe suối nhỏ. Các trảng cỏ thường cháy vào mùa khô. Đợt khảo sát hiện trường đã ghi nhận được 1 kích cỡ dấu chân. Thực tế, do đợt khảo sát hiện trường gặp mưa liên tục nên không phát hiện được dấu vết mới, do vậy chưa thể ước tính được số cá thể của quần thể Bò tót có phân bố ở điểm này. Tại điểm sinh cảnh này, ngoài Bò tót, còn ghi nhận được dấu vết của các loài Nai, Hoẵng (Mang thường), Heo rừng với số lượng nhiều. Khu phân bố và sinh cảnh của Sơn Dương

\* **Khu phân bố Sơn dương 1:** Khu vực này là đường phân thủy ở núi cao, dọc 2 bên suối đổ về hồ thủy điện Krông K'Ma. Đây là khu vực thuộc lâm phần rừng do trạm BVR số 6 quản

lý, nằm trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, thuộc tiểu khu 1359; cách khu dân cư gần nhất là buôn Ja, xã Hòa Sơn, huyện Krông Bông khoảng 25 km. Phạm vi khu vực được xác định dài khoảng 2 km, dọc 2 bên suối rộng khoảng 500 m về mỗi bên. Khảo sát hiện trường, đã xác định được 1 điểm sinh cảnh của loài Sơn dương tại khu phân bố này.

- **Sinh cảnh Sơn dương -1.1:** Tọa độ trung tâm x: 483998, y: 1369045, độ cao 1.733 m; thuộc sinh cảnh rừng thường xanh lá rộng xen lá kim trên núi cao. Đất đen, tốt với độ dày tầng đất mặt trên 50 cm, tỷ lệ kết von 5%, đá nổi trên 10%. Địa hình dốc 45 độ đổ về hai phía đường phân thủy. Rừng cơ bản với 4 tầng gồm tầng vượt tán, tầng ưu thế cây gỗ, cây bụi dây leo và thảm tươi; tổ thành cây gỗ chính gồm các loài Pơ mu, Dẻ, Hồng quang; rừng trung bình, có độ tàn che khoảng 0,8, tổng G: 36 m<sup>2</sup>. Ước tính có khoảng 4-5 cá thể Sơn dương ở đây.

\* **Khu phân bố Sơn dương 2:** Sơn dương tập trung ở sườn núi thuộc lưu vực suối Ea Tur. Đây là khu vực thuộc lâm phần rừng do trạm BVR số 3 quản lý, thuộc phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, ở tiểu khu 1215; cách khu dân cư gần nhất là buôn Đăk Tua, xã Cư Pui, huyện Krông Bông khoảng 16 km; đã xác định được 1 điểm sinh cảnh của loài Sơn dương tại khu phân bố này.

- **Sinh cảnh Sơn dương - 2.1:** Tọa độ trung tâm x: 489876, y: 1373334, độ cao 1.777m; thuộc sinh cảnh rừng thường xanh lá rộng xen lá kim trên núi cao. Đất đen, tốt với độ dày tầng đất mặt trên 50 cm, tỷ lệ đá nổi trên 60%. Địa hình dốc 33 độ đổ về nhiều hướng khác nhau. Rừng cơ bản với 5 tầng gồm tầng vượt tán, tầng ưu thế sinh thái và tầng dưới tán cây gỗ, cây bụi dây leo và thảm tươi; tổ thành cây gỗ chính gồm các loài Pơ mu, Dẻ, Thông 5 lá; rừng giàu, có độ tàn che khoảng 0,8, tổng G: 26 m<sup>2</sup>. Ước tính có khoảng 2-3 cá thể Sơn dương hoạt động, kiểm ăn ở điểm này.

\* **Khu phân bố Sơn dương 3:** Dọc trên dãy Chư Po Liên, đây là khu vực thuộc lâm phần rừng do trạm BVR số 5 quản lý, nằm trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, thuộc các tiểu khu 1227, 1233, 1234; cách khu dân cư gần nhất là buôn Hàng Năm, xã Yang Mao, huyện Krông Bông khoảng 10 - 12 km. Phạm vi khu vực được xác định từ dãy Chư Po Liên ra đến khu đất canh tác nông nghiệp của người dân xã Yang Mao. Kết quả đã xác định được 1 điểm sinh cảnh của loài Sơn dương tại khu phân bố này, với số lượng ước tính khoảng 3-4 cá thể.

- **Sinh cảnh Sơn dương -3.1:** Tọa độ trung tâm x: 503230, y: 1364860, độ cao 1.250 m; thuộc sinh cảnh chuyển tiếp từ rừng thường xanh lá rộng xen lá kim trên núi cao, sang rừng gỗ xen tre le. Đất đen, tốt với độ dày tầng đất mặt trên 50 cm, tỷ lệ đá nổi trên 35%. Địa hình dốc 25 độ đổ về hai hướng khác nhau. Rừng cơ bản với 3 tầng gồm tầng cây gỗ, cây bụi dây leo và thảm tươi; tổ thành cây gỗ chính gồm các loài Dẻ, Thông 3 lá; rừng nghèo, có độ tàn che khoảng 0,6, tổng G: 13.5 m<sup>2</sup>. Kiểm lâm trạm 2 thỉnh thoảng gặp khoảng 2-3 cá thể Sơn dương hoạt động, kiểm ăn ở đây. Trong tháng 12 năm 2014 kiểm lâm VQG đã bắt và xử lý một trường hợp người H'Mông bẫy bắt 1 cá thể Sơn dương cái nặng 52 kg ở khu vực này.

Tại các khu phân bố của Sơn dương, cũng có ghi nhận được dấu vết của các loài Nai, Hoẵng nhưng không nhiều, Heo rừng dấu vết còn nhiều ở các nơi có nhiều thảm mục, đất tốt, gần nguồn nước.

## 2. Vấn đề liên quan đến bảo tồn Bò tót và Sơn dương ở VQG Chư Yang Sin

Kết quả phân tích cây vấn đề đã xác định có 08 vấn đề lớn liên quan đến bảo tồn hai loài này ở Chư Yang Sin là: Áp lực của cộng đồng dân cư; nhu cầu săn bắn và giá trị của loài; điều kiện địa hình và phạm vi phân bố loài; hoạt động bảo tồn chưa được chú trọng; thiếu kiến thức kỹ năng về giám sát bảo tồn loài; thiếu nguồn lực; thiếu sự phối hợp; thực thi chính sách bảo tồn chưa hiệu quả.

**Các vấn đề liên quan đến công tác bảo tồn hai loài Bò tót và Sơn dương ở VQG Chư Yang Sin**

<b>Vấn đề</b>	<b>Nguyên nhân</b>
1. Áp lực của cộng đồng dân cư đến các loài	Mức thu nhập của dân cư vùng đệm VQG còn thấp; Dân số vùng đệm phát triển nhanh (cả tự nhiên lẫn cơ học); Ý thức của người dân chưa cao; Dân di cư tự do từ các tỉnh phía Bắc (H'Mông, Tày,...), với tập quán săn bắn
2. Giá trị và nhu cầu sử dụng sản phẩm của loài	Nhu cầu sử dụng thịt của các loài làm thực phẩm; Giá trị kinh tế của hai loài; Giá trị dược liệu của hai loài; Giá trị thẩm mỹ từ sản phẩm sừng của hai loài
3. Điều kiện địa hình và phạm vi di chuyển của loài	Địa hình rừng nơi có phân bố hai loài có sự chia cắt và hiểm trở; Phạm vi di chuyển của hai loài rộng.
4. Thiếu kiến thức, kỹ năng về giám sát bảo tồn loài	Thiếu kiến thức về sinh học, sinh thái học của loài, tập tính, đặc điểm sinh sản,... của các loài; Hiểu biết về điều kiện sống, nguồn thức ăn của loài; Thiếu kỹ năng về điều tra, giám sát và tiếp cận bảo tồn loài.
5. Thiếu nguồn lực hỗ trợ bảo tồn các loài	Nguồn tài chính cho hoạt động bảo tồn ở VQG chưa có; Thiếu phương tiện, trang thiết bị, công cụ giám sát, đánh giá bảo tồn các loài. VQG chưa có cán bộ chuyên trách bảo tồn, thiếu chuyên viên giám sát; Cán bộ VQG còn yếu về kỹ năng truyền thông, không thông thạo tiếng địa phương nên khó tiếp cận với người dân để nắm bắt thông tin, tình hình săn bắn, tác động,...
6. Hoạt động bảo tồn loài chưa được chú trọng	Chưa thực hiện xây dựng chương trình và lập kế hoạch bảo tồn loài; Thiếu cơ sở dữ liệu có hệ thống về phân bố của hai loài; Thiếu các chương trình nghiên cứu, dự án bảo tồn đối với các loài.
7. Thiếu sự phối hợp giữa các bên liên quan trong bảo tồn	Thiếu sự tham gia và phối hợp chặt chẽ của các cấp, ngành liên quan cho bảo tồn; Thiếu sự hợp tác với các nhà khoa học trong nghiên cứu phục vụ bảo tồn loài; Phát triển xây dựng cơ sở hạ tầng (thủy điện, đường,...) tác động đến khu vực phân bố của loài.
8. Thực thi chính sách bảo tồn chưa hiệu quả	Quản lý súng tự chế ở địa phương chưa tốt; Chưa có chế tài xử phạt phù hợp đối với các trường hợp săn bắn các loài.

Kết quả này là cơ sở cho việc phân tích, xác định giải pháp cụ thể, khả thi cho giám sát, bảo tồn các loài thú lớn nêu trên tại VQG Chư Yang Sin.

### III. KẾT LUẬN

#### *Về đặc điểm phân bố loài:*

- Tại VQG Chư Yang Sin, đã xác định được hai khu vực phân bố chính với 03 sinh cảnh của loài Bò tót, ở đai cao từ 689 m - 787 m; ba khu vực phân bố chính với 03 sinh cảnh đại diện của loài Sơn dương, ở đai cao từ 1.250 - 1.777 m;

- Tổng diện tích sinh cảnh có phân bố của hai loài Bò tót và Sơn dương là 11.527,2 ha; chiếm 17,22% tổng diện tích tự nhiên ở VQG Chư Yang Sin; Trong đó tập trung phần lớn diện tích ở phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, với 11.054 ha và 473,2 ha ở phân khu phục hồi sinh thái;

- Các sinh cảnh của hai loài Bò rừng và Sơn dương trong VQG cũng có nhiều loài thú khác cùng phân bố như: Nai, Hoẵng, Heo rừng, các loài Cầy, Sóc, Dúi, Thỏ.

**Vấn đề liên quan đến bảo tồn loài:**

- Thiếu nguồn lực, kiến thức về loài và phân bố loài, sự phối hợp trong giám sát, phục vụ bảo tồn; cùng với nhu cầu săn bắt, áp lực từ cộng đồng dân cư, bất cập về thực thi chính sách, điều kiện địa hình phức tạp là những vấn đề lớn gây trở ngại cho giám sát, bảo tồn Bò tót và Sơn dương tại VQG Chư Yang Sin.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. **Bảo Huy**, 2008. *Quản lý dự án phát triển: Phát triển lâm nghiệp xã hội và quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên*. Bài giảng dành cho cao học lâm nghiệp, trường Đại học Tây Nguyên, Đắk Lắk. 58 trang.
2. **Bảo Huy, Cao Thị Lý, Võ Hùng, Nguyễn Công Tài Anh, Hồ Đình Bảo, Phạm Đoàn Phú Quốc, Hoàng Trọng Khánh (nhóm tư vấn)**, 2015. *Dự án bảo tồn khu vực phân bố và nơi sống của một số loài động vật hoang dã quan trọng tại tỉnh Đắk Lắk*. báo cáo đề xuất dự án, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và PTNT, tỉnh Đắk Lắk. 70 trang
3. **Nghị định số 32/2006/NĐ-CP** ngày 30 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về *Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm*, “Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm”, Hà Nội.
4. **Viện Khoa học và công nghệ Việt Nam**, 2007. *Sách Đỏ Việt Nam, phần I. Động vật*. Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và công nghệ, Hà Nội.
5. **Vườn Quốc gia Chư Yang Sin**, 2013. *Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững Vườn Quốc gia Chư Yang Sin đến năm 2020*. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tỉnh Đắk Lắk. 205 trang.
6. **IUCN**, 201. *The IUCN Red List of Threatened Species “2001 IUCN Red List Categories and Criteria version 3.1”*. Available at <http://www.iucnredlist.org/search>

**DISTRIBUTION AREAS AND PROBLEMS RELATED TO CONSERVATION OF GAUR (*BOS GAURUS*) AND SUMATRAN SEROW (*CAPRICORNIS SUMATRAENSIS*) IN CHU YANG SIN NATIONAL PARK, DAK LAK PROVINCE.**

**Cao Thị Ly**

**SUMMARY**

Gaur and Sumatran serow, two large mammal species belonging to the Artiodactyla, are endangered, valuable and rare animal species. Both of these species still distribute focus some areas in the Chu Yang Sin national park, Daklak province. Local people in the buffer zone, particularly freelance migrants such as H'Mong, Tay, Nung ethnic minorities, with hunting habits have affected the safety of these large mammals. Identification of habitats of the species together with monitoring and protecting solutions is necessary to ensure the survival and development of the species. This paper presents the results of a field survey that identified three habitats of Gaur and three habitats of the Sumatran Serow, also highlighted issues related to monitoring and conservation of these mammal species in Chu Yang Sin National Park.